

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: 116/2020/DS-PT

Ngày: 19-11- 2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Thọ;

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Hiền;

Ông Đặng Văn Quyết.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hải Yến - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2020/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS-ST ngày 01-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2020/QĐ - PT ngày 13/11/2020 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Leo Văn S, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn BH, xã KT, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Leo Văn Q, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn BH, xã KT, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Leo Thị H, sinh năm 1987 (là vợ anh Leo Văn Q, vắng mặt).

2. Bà Trương Thị T, sinh năm 1966 (là vợ ông Leo Văn S, vắng mặt).

Các đương sự đều cùng địa chỉ: Thôn BH, xã KT, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai của ông Leo Văn S trình bày:

Do có mối quan hệ họ hàng, hàng xóm nên ông đã cho anh Leo Văn Q vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 18/6/2019, anh Leo Văn Q vay của ông số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) với mục đích để làm sổ đỏ quyền sử dụng đất, thời hạn vay: 01 tháng; Lần 2: Ngày 16/10/2019, anh Leo Văn Q tiếp tục vay của ông số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) với mục đích để đảo nợ Ngân hàng, thời hạn vay: 10 ngày. Cả hai lần vay tiền trên, ông và anh Leo Văn Q đều lập thành văn bản và anh Leo Văn Q có ký tên vào những giấy vay tiền này. Ngoài ra hai bên có thỏa thuận miệng là lãi suất của khoản vay được tính theo lãi suất của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Trong những lần vay này, anh Leo Văn Q là người nhận tiền, chị Leo Thị H là vợ anh Leo Văn Q không có mặt. Đến nay anh Leo Văn Q chưa trả được cho ông bất kỳ khoản vay nào. Do có nhu cầu sử dụng số tiền trên, ông đề nghị Tòa án buộc anh Leo Văn Q phải có trách nhiệm trả ông tổng số tiền nợ gốc là 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng). Ông không yêu cầu anh Leo Văn Q phải trả tiền lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/7/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Leo Văn Q trình bày: Do có nhu cầu cần tiền sử dụng vào mục đích cá nhân nên anh có hỏi vay tiền của ông Leo Văn S nhiều lần, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 18/6/2019, anh có vay của ông Leo Văn S số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để sử dụng vào công việc gia đình, hai bên có lập thành giấy biên nhận là đúng. Tuy nhiên hai bên không thỏa thuận thời hạn trả, chỉ nói là có tiền thì trả. Còn lãi suất thì thỏa thuận miệng tính lãi là 2.000 đồng/1.000.000 đồng / 01 ngày, cứ 03 tháng trả lãi một lần. Tiền lãi anh đã trả được cho ông Leo Văn S 02 lần nhưng không lập thành văn bản và không nhớ ngày tháng trả tiền.

- Lần 2: Khoảng tháng 9/2018 (không nhớ ngày chính xác), anh có vay của ông Leo Văn S số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) để sử dụng vào mục đích cá nhân. Hai bên có lập thành giấy biên nhận nhưng đến ngày 16/10/2019, anh vẫn chưa thanh toán được cho ông Leo Văn S số tiền trên nên anh và ông Leo Văn S đã thỏa thuận hủy giấy vay tiền tháng 9/2018, lập giấy vay tiền ngày 16/10/2019, nợ gốc, nợ lãi cộng thành 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Anh thừa nhận đã ký tên vào giấy vay tiền này nhưng anh cho rằng khi ký tên anh đang say rượu, đầu óc không minh mẫn, tỉnh táo.

Cả hai lần vay tiền, anh đều sử dụng vào mục đích cá nhân, không liên quan đến công việc gia đình, vợ anh chị Leo Thị H không được biết. Nay ông Leo Văn S khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh phải trả số tiền nợ gốc là 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng) thì anh không đồng ý. Anh xác định chỉ nợ ông Leo Văn S số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng). Do điều kiện kinh tế khó khăn anh đề nghị trả nợ cho ông Leo Văn S số tiền 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng) nhưng trả dần nhiều lần.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị chị Leo Thị H trình bày: Việc vay tiền giữa anh Leo Văn Q (là chồng chị) và ông Leo Văn S, chị hoàn toàn không được biết và không được sử dụng số tiền này vào công việc của gia đình. Sau khi anh Leo Văn Q không trả được tiền cho ông Leo Văn S thì ông Leo Văn S có nói chuyện với chị, khi đó tôi mới được biết việc vay mượn tiền của anh Leo Văn Q. Chị xác định chị không vay tiền của ông Leo Văn S, số tiền nợ gốc là 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng) theo như hai giấy vay nợ anh Leo Văn Q đã ký với ông Leo Văn S thì chị cũng đồng ý cùng anh Leo Văn Q trả nợ cho ông Leo Văn S số tiền trên. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn nên chị đề nghị được trả dần nhiều lần.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị T trình bày: Việc vay tiền giữa anh Leo Văn Q và ông Leo Văn S (là chồng bà), bà có được biết. Ông Leo Văn S cho anh Leo Văn Q vay tiền làm 02 lần tổng số tiền là 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng), số tiền này là tiền của gia đình bà. Cả hai lần vay trên ông Leo Văn S là người trực tiếp cho anh Leo Văn Q vay tiền bà đều đồng ý. Anh Leo Văn Q chưa trả được cho vợ chồng bà bất kỳ khoản tiền nợ gốc, nợ lãi nào. Nay bà cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Leo Văn S, đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Leo Văn Q phải trả cho vợ chồng bà số tiền còn nợ là 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng).

Với nội dung vụ án như trên, bản án số 21/2020/DS-ST ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Leo Văn S: Buộc anh Leo Văn Q trả cho ông Leo Văn S số tiền nợ gốc là 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đến thời hạn thanh toán, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tiền trên số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Anh Leo Văn Q phải chịu 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại ông Leo Văn S số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2019/ 0001405 ngày 25/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên các nội dung liên quan đến pháp luật thi hành án dân sự, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/9/2020 anh Leo Văn Q nộp đơn kháng cáo.

Nội dung anh Leo Văn Q kháng cáo: Anh chỉ vay ông Leo Văn S 110.000.000 đồng, bản án sơ thẩm buộc anh phải trả ông Leo Văn S 280.000.000 đồng anh không đồng ý.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Leo Văn S không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện, anh Leo Văn Q không thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Anh Leo Văn Q trình bày: Anh có vay của ông Leo Văn S 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) từ năm 2018 nhưng anh không nhớ ngày vay với lãi suất 2000 đồng /1.000.000 đồng/ ngày và cứ từ 03 đến 04 tháng ông Leo Văn S lại cộng lãi một lần. Đến ngày 16/10/2019 ông Leo Văn S cộng dồn cả gốc và lãi thành tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) nhưng vì khi viết giấy vay tiền ngày 16/10/2019 anh trong tình trạng say rượu nên anh viết và ký theo yêu cầu của ông Leo Văn S. Số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) là bao gồm cả gốc và lãi của khoản tiền vay 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) theo Giấy vay tiền ngày 18/6/2019. Ngày 18/6/2019 anh có vay của ông Leo Văn S 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và có viết giấy biên nhận vay tiền là đúng. Anh chỉ vay của ông Leo Văn S số tiền 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng) bao gồm khoản vay năm 2018 là : 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) và khoản vay ngày 18/6/2019 là : 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Anh không có chứng cứ chứng minh đã vay của ông Leo Văn S 80.000.000 đồng

(tám mươi triệu đồng) vào năm 2018, anh chỉ đồng ý trả ông Leo Văn S 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng).

Ông Leo Văn S trình bày: Anh Leo Văn Q có hai lần vay tiền của ông. Lần 1: Ngày 18/6/2019 vay 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), lần 2 vay ngày 16/10/2019 số tiền vay: 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng). Tổng hai lần vay là 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng). Toàn bộ chữ viết tay trong các giấy vay tiền đều là do anh Leo Văn Q tự nguyện viết và ký, năm 2018 ông không cho anh Leo Văn Q vay tiền lần nào, anh Leo Văn Q khai có vay của ông 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) vào năm 2018 là không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Leo Văn Q. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS-ST ngày 01-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Về án phí: Buộc anh Leo Văn Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Leo Thị H và bà Trương Thị T vắng mặt nhưng không ảnh hưởng đến việc giải quyết kháng cáo. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Leo Thị H và bà Trương Thị T theo quy định tại Điều 294, Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của anh Leo Văn Q, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1]. Căn cứ các tài liệu do phía nguyên đơn xuất trình và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Do cần tiền để chi tiêu nên anh Leo Văn Q đã vay tiền của ông Leo Văn S. Hai bên có tự nguyện thỏa thuận. Anh Leo Văn Q thừa nhận Giấy vay tiền do anh Leo Văn Q trực tiếp viết, ký ghi rõ họ tên. Ông Leo Văn S đề nghị

Tòa án buộc anh Leo Văn Q phải trả ông số tiền nợ gốc là 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng). Bị đơn anh Leo Văn Q thừa nhận có vay nợ của ông Leo Văn S nhưng anh chỉ đồng ý trả ông Leo Văn S số tiền còn nợ lại là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng) và trả dần nhiều lần. Ông Leo Văn S, bà Trương Thị T và anh Leo Văn Q đều xác nhận việc vay nợ giữa ông Leo Văn S và anh Leo Văn Q là khoản nợ riêng không liên quan gì đến chị Leo Thị H (là vợ anh Leo Văn Q).

[2.2]. Tại Giấy biên nhận vay tiền đề ngày 18/6/2019 (dương lịch) thể hiện có đầy đủ chữ ký của bên vay và bên cho vay. Bị đơn anh Leo Văn Q cũng thừa nhận có vay ông Leo Văn S số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) theo đúng giấy vay tiền nói trên, nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại Giấy biên nhận vay tiền đề ngày 16/10/2019 (dương lịch) thể hiện có đầy đủ chữ ký của bên vay và bên cho vay. Bị đơn anh Leo Văn Q không thừa nhận có vay ông Leo Văn S số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) theo đúng giấy vay tiền nói trên. Anh Leo Văn Q xác nhận chữ ký, chữ viết “Quang, Leo Văn Q” trong giấy biên nhận vay tiền ngày 16/10/2019 đúng là chữ ký, chữ viết do anh viết ra. Anh ký tên tại giấy biên nhận vay tiền trong tình trạng say rượu, không tỉnh táo. Tuy nhiên, anh Leo Văn Q không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có căn cứ chấp nhận. Theo nội dung hai giấy vay tiền trên thể hiện thì đây là khoản vay không có kỳ hạn và không có lãi suất được quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy giấy biên nhận vay tiền ngày 18/6/2019 và giấy biên nhận vay tiền ngày 16/10/2019 ký kết giữa ông Leo Văn S và anh Quang là hợp pháp. Do đó có đủ căn cứ để xác định anh Leo Văn Q có vay ông Leo Văn S số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) vào ngày 18/6/2019 và số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) vào ngày 16/10/2019. Tổng số tiền anh Leo Văn Q đã vay của ông Leo Văn S là 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng). Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Leo Văn S, buộc anh Leo Văn Q phải trả cho ông Leo Văn S số tiền là 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng) là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[2.3]. Trong vụ án này chị Leo Thị H là vợ của anh Leo Văn Q, khi anh Leo Văn Q vay tiền của ông Leo Văn S thì chị không biết, không ký biên nhận. Ông Leo Văn S đề nghị anh Leo Văn Q phải trả tiền cho ông mà không yêu cầu chị Leo Thị H

phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng anh Leo Văn Q. Do vậy, không cần buộc chị Hương liên đới trả nợ cùng anh Leo Văn Q.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy: Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh Leo Văn Q. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS- ST ngày 01-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang là có căn cứ.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh anh Leo Văn Q không được chấp nhận nên anh Leo Văn Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 6 Điều 313; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của anh Leo Văn Q.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS- ST ngày 01-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Leo Văn S: Buộc anh Leo Văn Q trả cho ông Leo Văn S số tiền nợ gốc là 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

2. Về án phí: Anh Leo Văn Q phải chịu 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại ông Leo Văn S số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2019/ 0001405 ngày 25/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Anh Leo Văn Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng tại biên lai số AA/2019/0001568 ngày 22/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận, anh Leo Văn Q đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện LN;
- Chi cục THADS huyện LN;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Xuân Thạo